TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93/2022/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 2, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Bùi Hữu H, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 2, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57; các khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Hữu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Hữu H có 02 con chung là Bùi Hải A, sinh ngày 03-02-2011 và Bùi Nguyễn Hải M, sinh ngày 20-11-2017. Ly hôn, chị T và anh H thỏa thuận giao con chung là Bùi Nguyễn Hải M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên và giao con chung là Bùi Hải A cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Hữu H thỏa thuận chị T và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Hữu H thỏa thuận chị T có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000506 ngày 24-03-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga